TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 22-3-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 132/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 473/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: Số 266 – 268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Hữu Thường, chức vụ: Phó PGD Đập Đá (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 133-135 Lê Duẩn, phường Đập Đá, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Văn bản ủy quyền số 30/2022/GUQ-PGD ĐẬP ĐÁ ngày 30/12/2022.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 10, thôn Khánh Hòa, xã Nhơn Khánh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và các lời khai tại hồ sơ của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/10/2022, chị Nguyễn Thị T có ký tên vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – Các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Hạn mức tín dụng là 60.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng tại thời điểm phát hành thẻ tín dụng là 31,2%/năm (2,6%/tháng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 86.100.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh trên từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào thời điểm khác nhau. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, chị T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 31.040.000 đồng. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng, lãi suất được điều chỉnh theo từng thời điểm và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử chính thức của S (www.s.com.vn).

Do chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, ngày 10/5/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc của chị T (64.355.069 đồng) sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn tại thời điểm ngày 10/5/2023 là 2,766%/tháng x 150% = **4,149%/tháng.**

Ngân hàng TMCP S yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 64.355.069 đồng và tiền lãi phát sinh từ thời điểm chuyển nợ quá hạn (ngày 10/5/2023) với mức lãi suất 4,149%/tháng cho đến khi chị T thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Đoàn Hữu Thường vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng

mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 92.182.546 đồng. Trong đó 64.355.069 đồng tiền nợ gốc và 27.827.477 đồng tiền lãi. Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với chị Nguyễn Thị T có địa chỉ tại xóm 10, thôn Khánh Hòa, xã Nhơn Khánh, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

[2] Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Chị T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 96 và Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với chị T và đã giao nộp tài liệu chứng cứ là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng có chữ ký của chị T và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Xét thấy chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên chứng cứ này là hợp lệ, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên trong quan hệ tín dụng.

[5] Chị T mặc dù biết Ngân hàng khởi kiện nhưng không phản đối bằng văn bản và cũng không thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chị T thừa nhận nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[6] Ngân hàng TMCP S yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 64.355.069 đồng và tiền lãi phát sinh từ thời điểm chuyển nợ quá hạn (ngày 10/5/2023) với mức lãi suất 4,149%/tháng (tức 49,788%/năm) cho đến khi chị T thanh toán xong toàn bộ số nợ. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tính đến ngày xét xử (ngày 22/3/2024) là 317 ngày, số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là: 27.827.477 đồng.

[7] Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Mức án phí được tính: 5% x 92.182.546 đồng = 4.609.127 đồng.

[8] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 96, Điều 97, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm c khoản 4 Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 92.182.546 đồng (Chín mươi hai triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó 64.355.069 đồng (Sáu mươi bốn triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng) tiền nợ gốc và 27.827.477

đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng) tiền lãi.

Kể từ sau ngày xét xử (ngày 22/3/2024) chị Nguyễn Thị T còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 49,788%/năm trên số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 4.609.127 đồng (Bốn triệu sáu trăm linh chín nghìn một trăm hai mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 1.673.404 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm linh bốn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002005 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

4. Quyền kháng cáo: Tất cả đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- CC THADS thị xã A;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh